

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/7/2021.

Về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Việt Hoài

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/2021/TB-TA ngày 18/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG..

2/ Bị đơn: Ông **Đỗ Thành L**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

3/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ông **Đỗ Ngọc T1**, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện HD

Địa chỉ: khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Minh K** – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Theo giấy ủy quyền số: 184/GUQ-UBND ngày 06/7/2021 – vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2020, đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 03/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày như sau:*

Bà Lương Thị T và ông Đỗ Thành L là vợ chồng, quá trình chung sống với nhau do bất đồng quan điểm nên bà và ông L đã ly hôn với nhau theo Bản án số 25/2015/HNGD –ST ngày 17/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Tại Bản án nêu trên bà và ông L có thỏa thuận với nhau phần tài sản chung là diện tích đất 8.920m², thuộc thửa số 628a, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 17/01/2007 đứng tên Đỗ Thành L. Theo thỏa thuận bà và ông L mỗi người sẽ nhận ½ diện tích đất, cụ thể bà T được sử dụng diện tích đất 4.460m² phần đất có tứ cạnh: phía Đông Bắc giáp ông Võ Văn P, phía Đông Nam giáp ông Bùi Văn Chính, phía Tây Nam giáp ông Đỗ Thành L và phía Tây Bắc giáp kênh 6. Việc thỏa thuận các bên đã thực hiện xong, ông L đã giao đất cho bà T quản lý, sử dụng. Đến năm 2019 bà T chuyển nhượng phần đất trên bằng giấy tay cho ông Võ Văn P, còn ông L thì chuyển nhượng phần đất của ông L cho ông Đỗ Ngọc T1. Bà T đã giao đất cho ông P canh tác, nhiều lần bà T yêu cầu ông L tiến hành thực hiện thủ tục tách thửa, sang tên cho bà để bà hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng với ông P nhưng ông L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà Lương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.601,2m² cho bà quản lý, sử dụng. Buộc ông Đỗ Thành L phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông L không thực hiện thì đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà.

** Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 14/12/2020 bị đơn ông Đỗ Thành L trình bày như sau:*

Trước đây ông và bà T là vợ chồng nhưng hiện đã ly hôn vào năm 2015 theo Bản án số 25/2015/HNGD –ST ngày 17/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Tại Bản án nêu trên ông và bà T có thỏa thuận với nhau phần tài sản chung là diện tích đất 8.920m², thuộc thửa số 628a, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo thỏa thuận ông và bà T mỗi người được nhận ½ diện tích đất, cụ thể ông L được sử dụng diện tích đất 4.460m² phần đất có tứ cạnh: phía Đông Bắc giáp ông Võ Văn P, phía Đông Nam giáp ông Bùi Văn Chính, phía Tây Nam giáp ông Đỗ Thành L và phía Tây Bắc giáp kênh 6 và ông nhận diện tích đất là 4.460m² phần đất có tứ cạnh: phía Đông Bắc giáp ông Đỗ Ngọc T1, phía Đông Nam giáp ông Bùi Văn Chính, phía Tây Nam giáp bà Lương Thị T và phía Tây Bắc giáp kênh 6. Việc thỏa thuận đã xong, ông L đã giao đất cho bà T quản lý, sử dụng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà T vì chưa có thời gian. Đến tháng 9/2015 thì ông chuyển nhượng toàn bộ phần đất ông được nhận cho ông Đỗ Ngọc T1 với giá 29.000.000 đồng/công, bà T thì chuyển nhượng cho ông P, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính ông T1 giữ.

Nay bà Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất hai bên đã thỏa thuận là 4.601,2m² cho bà T thì ông L không có ý kiến gì, ông thừa nhận việc thỏa thuận này là đúng và đồng ý thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà T khi có thời gian. Đồng thời ông L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông do ông bận công việc.

** Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 27/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc T1 trình bày như sau:*

Trước đây (không nhớ năm nào) ông có nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Thành L phần đất có diện tích là 4.460m², đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 150.000.000 đồng, việc mua bán hai bên không có làm giấy tờ gì cả, ông đã giao đủ tiền cho ông L. Khi mua ông biết rằng đây là tài sản chung của vợ chồng ông L nhưng đã thỏa thuận xong mỗi người được ½ và ông mua của ông L, còn bà T thì chuyển nhượng cho ông P. Phần đất này hiện nay ông đang quản lý, sử dụng, bà T không có ngăn cản hoặc tranh chấp gì với ông. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đứng tên Đỗ Thành L ông đang giữ và hiện chưa có nhu cầu sang tên nên ông chưa thực hiện. Nay bà T tranh chấp với ông L như thế nào thì ông không có ý kiến, ông sẽ tự liên hệ với ông L để thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho ông.

** Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 27/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn P trình bày như sau:*

Trước đây (không nhớ năm nào) ông có nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị T phần đất có diện tích là 4.460m², đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 124.880.000 đồng, việc mua bán hai bên có làm giấy tay vào năm 2017, ông đã giao cho bà T trước số tiền là 100.000.000 đồng, còn lại 24.880.000 đồng thì chưa giao. Khi mua ông biết rằng đây là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà T nhưng đã thỏa thuận xong mỗi người được ½ và ông mua của bà T, còn ông L thì bán cho ông T1. Phần đất này hiện nay ông đang quản lý, sử dụng, ông L không có ngăn cản hoặc tranh chấp gì với ông. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đứng tên Đỗ Thành L hiện ông T1 đang giữ, ông L không đồng ý tách thửa nên ông chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Nay bà T tranh chấp với ông L như thế nào thì ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Công văn phúc đáp số 401/UBND -TNMT của Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất thể hiện như sau:*

Phần đất tranh chấp giữa các đương sự có tổng diện tích đo đạc thực tế là 9.194,9m² (bao gồm thửa số 01 có diện tích là 4.593,7m² và thửa số 02 có diện tích là 4.601,2m²), trong thửa số 01 và 02 đều có diện tích 142,6m² nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất đã chỉ đạo, giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hòn Đất tham mưu đề xuất việc phân loại các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền UBND huyện quản lý, tuy nhiên đến nay việc phân loại vẫn chưa hoàn thành từ đó chưa có quy định cụ thể phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, nên việc xác định khu đất tranh chấp thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hay không (và nếu có là phạm vi tới đâu) là chưa có cơ sở để xác định.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T. Công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.601,2m² cho bà Lương Thị T quản lý, sử dụng. Buộc ông Đỗ Thành L phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà T.

- Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn bà Lương Thị T yêu cầu công nhận phần đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Đỗ Thành L. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Đỗ Thành L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn P, ông Đỗ Ngọc T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà Lương Thị T và ông Đỗ Thành L kết hôn với nhau vào năm 1999, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà T nộp đơn ly hôn với ông L tại TAND huyện Hòn Đất. Xét thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng và không thể đoàn tụ nên Tòa án cho bà T được ly hôn với ông L theo Bản án số 25/2015/HNGD –ST ngày 17/7/2015. Tại bản án nêu trên bà T và ông L có thỏa thuận một số tài sản chung, trong đó có phần đất sản xuất nông nghiệp tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, thuộc thửa số 628-a, tờ bản đồ số 01, theo đo đạc thực tế thì phần đất có diện tích là 8.920m², bà T và ông L thỏa thuận mỗi người được sử dụng ½ diện tích đất nêu trên. Cụ thể bà T được sử dụng diện tích đất 4.460m² phần đất có tứ cạnh: phía Đông Bắc giáp ông Võ Văn P, phía Đông Nam giáp ông Bùi Văn Chính, phía Tây Nam giáp ông Đỗ Thành L và phía Tây Bắc giáp kênh 6 và ông L được sử dụng diện tích đất 4.460m² phần đất có tứ cạnh: phía Đông Bắc giáp ông Võ Văn P, phía Đông Nam giáp ông Bùi Văn Chính, phía Tây

Nam giáp ông Đỗ Thành L và phía Tây Bắc giáp kênh 6. Việc thỏa thuận các bên đã thực hiện xong, ông L đã giao phần đất 4.460m² cho bà T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên ông L chưa thực hiện việc chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật cho bà T. Sau khi canh tác được một thời gian thì bà T đã chuyển nhượng bằng giấy tay phần đất 4.460m² cho ông Võ Văn P với giá 124.880.000 đồng, còn ông L thì chuyển nhượng phần đất 4.460m² của ông cho ông Đỗ Ngọc T1 với giá là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.601,2m² cho bà quản lý, sử dụng. Đồng thời buộc ông Đỗ Thành L phải thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cho bà.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Phần đất bà T đang tranh chấp với ông L có nguồn gốc là tài sản chung của bà T và ông L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, trong quá trình yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, ông bà đã tự nguyện thỏa thuận, định đoạt phần tài sản chung trên và được ghi nhận trong Bản án 25/2015/HNGD –ST ngày 17/7/2015. Đồng thời tại các bản khai ông L cũng thừa nhận việc thỏa thuận trên là đúng và ông không có tranh chấp nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Tuy nhiên xét thấy hiện tại phần đất trên mặc dù ông L đã giao cho bà T quản lý, sử dụng nhưng chưa thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cho bà T. Do đó việc bà T yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.601,2m² cho là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo tờ trích đo địa chính số TĐ 28-2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang thể hiện phần đất bà T đang tranh chấp với ông L có diện tích là 4.601,2m², trong đó có diện tích 142,6m² nằm trong phạm vi BVCT thủy lợi. Tại Công văn phúc đáp số 401/UBND -TNMT của Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất thể hiện: Phần đất có diện tích 142,6m² nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất đã chỉ đạo, giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hòn Đất tham mưu đề xuất việc phân loại các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền UBND huyện quản lý, tuy nhiên đến nay việc phân loại vẫn chưa hoàn thành từ đó chưa có quy định cụ thể phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, nên việc xác định khu đất tranh chấp thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hay không (và nếu có là phạm vi tới đâu) là chưa có cơ sở để xác định. Nhận thấy phần đất có diện tích 142,6m² nêu trên mặc dù thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nhưng phần đất này nằm liền kề với phần đất mà ông L được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/01/2007 và hiện bà T đang quản lý, sử dụng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013 và điểm b, điểm c khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 thì: *“Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình. Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật...”*.

Như vậy việc tạm giao phần đất tranh chấp cho bà T tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế khách quan.

Quá trình làm việc bà T và ông L đều trình bày hiện phần đất bà T được nhận đã chuyển nhượng cho ông P và phần đất ông L được nhận đã chuyển nhượng cho ông T1. Tuy nhiên ông P và ông T1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được HĐXX chấp nhận. Công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.601,2m² cho bà Lương Thị T được quyền quản lý, sử dụng. Buộc ông Đỗ Thành L phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bà T theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ để được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được nhận là 11.405.319 đồng (228.106.380đ x 5%).

- Về chi phí đo đạc và định giá: Chi phí đo đạc là 3.266.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000999 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hòn Đất và chi phí định giá là 5.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 10/05/2021 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam. Tổng cộng số tiền là 8.866.000 đồng, bà T tự nguyện nộp số tiền này (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013 và điểm b, điểm c khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T.

1/. Công nhận phần đất có diện tích là 4.458,6m², thuộc thửa số 628-a, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Sơn Nam, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho bà Lương Thị T được quản lý, sử dụng. Đối với phần đất có diện tích 142,6m² nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tiếp tục tạm giao cho bà Lương Thị T được quản lý, sử dụng.

(Kèm theo Tờ trích đo địa chính số: TĐ 28-2021 do Chi nhánh VPĐK đất đai lập ngày 12/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất).

2/. Buộc ông Đỗ Thành L phải thực hiện việc chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật cho bà Lương Thị T. Trường hợp ông L không tự nguyện thực hiện thì T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.405.319 đồng (Mười một triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười chín đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001139 ngày 08/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà T còn phải nộp thêm số tiền là 8.405.319 đồng.

4/. Về chi phí đo đạc và định giá: Chi phí đo đạc là 3.266.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000999 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hòn Đất và chi phí định giá là 5.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 10/05/2021 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam. Tổng cộng số tiền là 8.866.000 đồng, bà T tự nguyện nộp số tiền này (đã thực hiện xong).

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An